

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-ST
Ngày: 23-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản và đòi lại giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Truyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phi Long
2. Ông Trần Văn Nước

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Rine - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên tòa: Ông Trương Thanh Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST - DS ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị A R sinh năm 1971; cư trú: ấp G, xã, thị xã D, tỉnh Trà Vinh; có mặt.

- *Bị đơn:*

1/ Ông Võ Hoàng V sinh năm 1978; cư trú: khóm B, phường 1, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

+ *Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Hoàng V:* Bà Huỳnh Thị D sinh năm 1975; cư trú: khóm B, phường 1, thị xã D, tỉnh Trà Vinh; có mặt.

2/ Bà Huỳnh Thị D sinh năm 1975 cư trú: khóm B, phường 1, thị xã D, tỉnh Trà Vinh; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*

1/. Ông Huỳnh Văn H sinh năm 1970; cư trú: ấp 10, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh; có mặt.

2/. Ông Thạch M sinh năm 1970; cư trú: ấp G, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà A R trình bày: Bà D và ông V có hỏi bà vay số tiền 70.000.000 đồng với điều kiện phải giao cho bà giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.620 m² thuộc thửa 3087, tờ bản đồ số 1, loại đất lúa, đất tọa lạc tại xã L, thị xã D do hộ ông Huỳnh Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin. Sau đó bà có viết sẵn biên nhận ở nhà thể hiện nội dung bà D và ông V vay số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất 3% và bà giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H. Biên nhận này bà đã ký trước và ký dùm chồng bà là Thạch M. Do đó ngày 20/01/2018 bà hẹn bà D và ông V tại quán cà phê H ở khóm 1, phường 1, thị xã D để đưa biên nhận đã viết sẵn cho bà D, ông V và ông H ký tên, tuy nhiên lúc đó ông S giả là ông H ký vào biên nhận, sau này mới biết không phải ông H mà là ông S. Khi ký biên nhận xong bà có giao cho bà D 30.000.000 đồng, sau đó có giao thêm 03 đợt nữa, cụ thể là 01 đợt giao 7.000.000 đồng, một đợt giao 13.000.000 đồng và một đợt là 20.000.000 đồng tổng cộng 03 đợt là 40.000.000 đồng là đủ số tiền vay 70.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 20/01/2018. Tuy nhiên 03 đợt giao sau không nhớ rõ ngày tháng và giao tiền thì chỉ có bà và bà D, không có ai biết và chứng kiến. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà D và ông V đóng lãi được 04 tháng là 8.000.000 đồng thì ngưng đóng lãi từ ngày 01/07/2018 đến nay.

Khi giao số tiền 30.000.000 đồng ngày 20/01/2018 tại quán H thì có mặt bà, bà D, ông V, ông S (giả ông H) ngoài ra không có ai khác biết và chứng kiến. Khi bà D, ông V, ông S ký biên nhận xong thì qua ngày hôm sau bà có đến nhờ bà L ký làm chứng dùm, còn bà L có ký vào biên nhận nhưng không biết bà này họ tên đầy đủ và ở đâu vì là người không phải ở địa phương. Khoảng một thời gian sau bà thấy biên nhận ngày 20/01/2018 chữ số “7” bị mờ nên bà có dùng viết bi tô cho đậm lên chứ không có sửa số “1” thành số “7” tức là không có sửa “10.000.000 đồng” thành “70.000.000 đồng”. Đối với việc giao số tiền 40.000.000 đồng còn lại thì chỉ có mặt bà và bà D ngoài ra không còn ai biết và chứng kiến.

Nay yêu cầu bà D và ông V trả cho bà số tiền vốn 70.000.000 đồng và tiền lãi 1% tháng tính từ ngày 01/7/2018 đến khi giải quyết xong vụ án và bà sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 3087, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.620m², đất tọa lạc tại xã L cho ông H.

- Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà D và ông V và tại phiên tòa bà D trình bày thống nhất như sau: vào ngày 20/01/2018 bà và chồng bà là ông V đến quán cà phê H thuộc khóm 1, phường 1, thị xã D để hỏi bà A R vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng với điều kiện là vợ chồng bà phải giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H tại thửa 3087 cho bà A R giữ.

Khi bà A R giao cho bà số tiền 10.000.000 đồng thì bà A R có đưa biên nhận đã viết sẵn vào ngày 20/01/2018, biên nhận này bà A R và chồng là ông Thạch M đã ký sẵn, sau đó vợ chồng bà cùng ký vào biên nhận và ông S đó giả là ông H cũng ký vào, khi ký thì biên nhận chỉ ghi là 10.000.000 đồng và có đoạn để trống, nhưng do thấy ghi số tiền 10.000.000 đồng nên bà không để ý khoảng trống này. Cũng trong thời gian năm 2018 do còn nợ lãi nên vợ chồng bà cũng có vay của bà A R thêm 02 lần nữa, một lần là 5.000.000 đồng và một lần là 10.000.000 đồng để đóng lãi cho bà A R, như vậy tổng cộng vợ chồng bà chỉ vay 25.000.000 đồng. Tuy nhiên bà A R tự sửa biên nhận ngày 20/01/2018 từ số “1” thành số “7” tức là từ “10.000.000 đồng” thành “70.000.000 đồng”, đồng thời ghi bổ sung vào khoảng trống “Viết bằng chữ bảy mươi triệu đồng chẵn”.

Về người có mặt lúc ký biên nhận ngày 20/01/2018 và giao nhận số tiền 10.000.000 đồng tại quán cà phê H thì có bà A R, bà, chồng bà là ông V và ông S, ngoài ra không có ai khác, còn trong biên nhận có bà L và bà L thì bà không biết. Đối với số tiền vay thêm 15.000.000 đồng thì không có làm biên nhận vì vay để đóng lãi lại cho bà A R khi vay số tiền này thì chỉ có bà và bà A R ngoài ra không còn ai khác chứng kiến. Bà đã đóng lãi cho bà A R đến ngày 01/7/2018 là 04 tháng với tổng số tiền 30.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu độc lập của ông H thì bà và ông Vũ thống nhất buộc bà A R trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H. Vì bà đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Hoàng bà nói dối là ông H giao để làm tin nhưng ông H không biết.

Nay vợ chồng bà chỉ đồng ý trả cho bà A R số tiền 25.000.000 đồng, còn tiền lãi 1% tính từ ngày 01/7/2018 đến nay thì bà xin không trả. Đồng thời yêu cầu tính lãi lại số tiền đã đóng lãi cho bà A R là 30.000.000 đồng tính từ ngày 20/01/2018 đến khi ngưng đóng lãi ngày 01/7/2018 để trừ vào tiền gốc vay 25.000.000 đồng.

- Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập H trình bày: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 3087, diện tích 1.620 m² tờ bản đồ số 1, loại đất lúa, đất tọa lạc tại xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh là của ông. Tuy nhiên phần đất này ông đã chuyển nhượng cho ông Dương Văn R và đã giao giấy chứng nhận cho ông R, nhưng ông R cho bà D mượn ông không biết. Việc vay tiền giữa bà A R và bà D thì ông không biết, ông cũng không có ký tên vào biên nhận vay tiền do bà A R thiết lập ngày 20/01/2018. Nay ông yêu cầu bà A R trả cho ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 3087, diện tích 1.620 m² tờ bản đồ số 1, loại đất lúa, đất tọa lạc tại xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh để làm thủ tục sang tên phần đất này cho ông R.

- Theo biên bản ghi lời khai và lời khai tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch M trình bày: việc cho vay tiền giữa vợ ông là bà A R với bà D, ông V theo biên nhận nợ ngày 20/01/2018 thì không biết rõ, ông chỉ biết vợ ông có cho bà D, ông V vay tiền nhưng không biết cho vay số tiền bao

nhiều. Ông cũng không có ký vào biên nhận vay tiền ngày 20/01/2018 và cũng không biết nội dung biên nhận này. Ông chỉ nhớ có 01 lần ông chở vợ đi giao số tiền vay 20.000.000 đồng cho bà D tại nhà bà D nhưng cũng không rõ là khoảng vay lần nào, vì vợ ông cho bà D vay tiền rất nhiều lần và có vụ cũng đã giải quyết xong và đang chờ thi hành án. Về tiền cho vay là tiền chung của vợ chồng nhưng do vợ ông tự quyết định, ông không có yêu cầu gì.

- *Tại phiên tòa nguyên đơn bà A R phát biểu ý kiến tranh luận:* Bà A R cho rằng bà cho bà D và ông V vay số tiền 70.000.000 đồng, không phải là cho vay 25.000.000 đồng, vì có ký vào biên nhận ngày 20/01/2018 thể hiện vay 70.000.000 đồng; biên nhận ngày 20/01/2018 bà chỉ tô lại số 7 cho đậm, không phải là sửa số và viết thêm vào biên nhận. Bị đơn bà D cho rằng thực tế ngày 20/01/2018 bà chỉ vay số tiền 10.000.000 đồng, khi ký vào biên nhận bà chỉ thấy ghi số tiền 10.000.000 đồng, việc này ông S cũng chứng kiến; tuy nhiên do có mâu thuẫn nên bà A R tự sửa biên nhận từ 10.000.000 đồng thành 70.000.000 đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H, ông M không có ý kiến.

Vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự trong vụ án thực hiện theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự

+ Về nội dung vụ án: Qua xem xét, đánh giá chứng cứ xét thấy: Bà A R khởi kiện yêu cầu bà D, ông V trả 70.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 1% tính từ ngày 01/7/2018. Tuy nhiên bị đơn bà D và ông V chỉ thừa nhận chỉ vay của bà A R số 03 lần tổng cộng 25.000.000 đồng, vì cho rằng: biên nhận nợ ngày 20/01/2018 đã bị sửa và viết thêm vào biên nhận, nhưng thực tế ngày 20/01/2018 chỉ vay 10.000.000 đồng. Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là biên nhận ngày 20/01/2018, tuy nhiên bà A R thừa nhận có dùng viết bị sửa vào biên nhận; lời khai ông S cũng xác nhận “*Tôi có đọc biên nhận thì thấy 10.000.000 đồng, khi đọc biên nhận thấy viết bằng chữ có khoảng trống nhưng tôi không có ý kiến gì nghĩ việc bà D vay tiền*”, lời trình bày nay phù hợp với lời trình bày của bà D, do đó biên nhận ngày 20/01/2018 không có giá trị chứng minh. Tại phiên tòa bà A R cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác về việc có cho bà D và ông V vay số tiền 70.000.000 đồng, trong khi bà D và ông V chỉ thừa nhận vay số tiền 25.000.000 đồng. Về tiền lãi bà A R khai nhận 8.000.000 đồng, bà D cho rằng bà A R đã nhận tiền lãi 30.000.000 đồng nhưng không đưa ra chứng minh, do đó đề nghị Hội đồng xét xử tính lãi lại để trừ vào số tiền 8.000.000 đồng. Về yêu cầu tính lãi của bà A R từ ngày 01/7/2018 với mức lãi suất 1%/tháng là có căn cứ. Riêng đối với yêu cầu độc lập của ông H là có căn cứ, vì tại theo quy định tại điều 317 Bộ luật dân sự thì phải dùng tài sản thuộc chủ sở hữu của mình, nhưng quyền sử dụng đất là của ông H, việc ông S giả mạo ông H để giao giấy cho bà A R là không đúng quy định. Từ cơ sở phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà A R về việc yêu cầu bà D và ông trả tiền vốn 19.083.333 đồng và tiền lãi 5.101.600 đồng. Chấp nhận yêu cầu độc lập của

ông H đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 3087, tờ bản đồ số 1, loại đất lúa, đất tọa lạc tại xã L, thị xã D. Về án phí: đề Hội đồng xét xử xem xét buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy đơn khởi kiện của bà A R yêu cầu bà D và ông V thanh toán khoản nợ vay với số tiền 70.000.000 đồng và khoản tiền lãi, ông H yêu cầu bà A R trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đây là quan hệ về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tình tiết không phải chứng minh: tại phiên tòa bà A R, bà D đều thừa nhận biên nhận ngày 20/01/2018 được viết sẵn trước, những người có mặt chứng kiến ký vào biên nhận chỉ có bà A R, bà D, ông V, ông S, ngoài ra không còn ai khác và chứng kiến, còn ông Thạch M do bà A R ký dùm khi ở nhà, do đó đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về biên nhận ngày 20/01/2018, Hội đồng xét xử xét thấy: tại phiên tòa bà A R thừa nhận khoảng một thời gian sau thiết lập biên nhận, bà thấy biên nhận ngày 20/01/2018 số “7” bị mờ nên bà tự ý dùng viết bi tô số “7” lại cho rõ; Theo lời khai của ông S thể hiện *“Tôi có đọc biên nhận thì thấy 10.000.000 đồng, khi đọc biên nhận thấy viết bằng chữ có khoảng trống nhưng tôi không có ý kiến gì nghĩ việc bà D vay tiền”*. Lời khai của ông S phù hợp với lời khai bà D và ông V là ngày 20/01/2018 bà D và ông V chỉ vay của bà A R số tiền 10.000.000 đồng và trong biên nhận có khoảng trống. Như vậy biên nhận ngày 20/01/2018 của bà A R cung cấp không giá trị pháp lý để chứng minh về việc bà A R có cho bà D và ông V số tiền 70.000.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà A R, Hội đồng xét xử xét thấy: Biên nhận ngày 20/01/2018 không có giá trị pháp lý để chứng cứ chứng minh về việc bà D và ông V vay của bà A R số tiền 70.000.000 đồng. Ngoài biên nhận ngày 20/01/2018 bà A R không cung cấp chứng cứ nào khác; đồng thời cũng không ai biết, chứng kiến việc bà D và ông V vay của bà A R số tiền 70.000.000 đồng và bà D, ông V nhận tiền từ bà A R số tiền 70.000.000 đồng. Trong khi ngày 20/01/2018 thì ông S là người đọc biên nhận thấy trong biên nhận chỉ ghi 10.000.000 đồng và biên nhận có để khoảng trống. Tại phiên tòa bà D thừa nhận ngày 20/01/2018 thì bà chỉ vay 10.000.000 đồng, sau đó có vay thêm 02 lần với tổng cộng số tiền là 25.000.000 đồng. Từ cơ sở phân tích trên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà A R theo lời thừa nhận nợ của bà D và buộc bà D và ông V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà A R số tiền 25.000.000 đồng.

[5] Đối với khoản tiền lãi đã đóng, Hội đồng xét xử xét thấy: tại phiên tòa bà D cho rằng đã đóng 04 tháng bằng 30.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi lại theo quy định, tuy nhiên không cung cấp được chứng cứ bà A R đã nhận tiền lãi 30.000.000 đồng. Bà A R chỉ thừa nhận có nhận tiền lãi 04 tháng là 8.000.000 đồng. Tuy nhiên về thời gian tính lãi từ ngày 20/01/2018 đến ngày 01/7/2018 là 04 là chưa phù hợp, vì từ ngày 20/01/2018 đến ngày 01/7/2018 là 05 tháng, do đó có căn cứ xác định thời gian tính lãi là 05 tháng. Từ cơ sở phân tích trên chỉ có căn cứ xác định tiền lãi bà D đã đóng cho bà A R là 8.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy khoản tiền lãi này là vượt mức quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, do đó tính lại khoản tiền lãi này theo quy định pháp luật, cụ thể: $05 \text{ tháng} \times 20\%/\text{năm} \times 25.000.000 \text{ đồng} = 2.083.333 \text{ đồng}$, trong khi đó bà D đưa cho bà A R 8.000.000 đồng, tức thừa 5.919.667 đồng, do đó số tiền thừa này sẽ được trừ vào số nợ gốc: $25.000.000 \text{ đồng} - 5.919.667 \text{ đồng} = 19.083.333 \text{ đồng}$.

[6] Xét việc bà A R yêu cầu tính lãi từ ngày 01-7-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1%/tháng trên số nợ gốc, phía bà D và ông V cũng thống nhất với thời gian tính lãi và mức lãi suất này. Hội đồng xét xử thấy thời gian tính lãi mà bà A R yêu cầu cũng như mức lãi suất 1%/tháng và phía các bị đơn cũng thống nhất là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên bà D và ông V có nghĩa vụ trả khoản tiền lãi cho bà A R. Cụ thể: $19.083.333 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 26 \text{ tháng} = 4.961.666,18 \text{ đồng}$. Tổng cộng nợ gốc và lãi bà D và ông V phải trả cho bà A R bằng số tiền 24.184.944 đồng.

[7] Xét yêu cầu yêu cầu độc lập ông H, Hội đồng xét xử xét thấy: Luật đất đai không cho phép cá nhân nhận thế chấp hoặc giao dịch đảm bảo bằng quyền sử dụng đất. Khi bà D giao cho bà A R giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 682656 được Ủy ban nhân dân huyện D cấp của hộ ông H có diện tích 1.620 m² thửa 3087, tờ bản đồ số 1 loại đất lúa, đất tọa lạc tại xã L, thị xã D thì chưa được sự đồng ý của ông H. Từ cơ sở phân tích trên, chấp nhận yêu cầu độc lập của ông H, buộc bà A R trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 682656 được Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho hộ ông H vào ngày 12-3-2014 đối với phần đất có diện tích 1.620 m² thửa 3087, tờ bản đồ số 1 loại đất lúa, đất tọa lạc tại xã L, thị xã D.

[8] Về án phí: bà D, ông V phải chịu 1.209.247 đồng (24.184.944 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm. Bà A R phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự không có giá ngạch về buộc trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 3.226.419 đồng (64.528.389 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm cho phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận nhưng được khấu trừ vào phần tạm ứng án phí đã nộp 1.750.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002122, ngày 26-4-2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Do đó bà Nguyễn Thị A R còn phải tiếp tục nộp số tiền 1.776.419 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông H không phải chịu án phí, do đó hoàn trả lại cho ông H 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004759, ngày 15-8-2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 317, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự.

Áp dụng các Điều 167, 179 Luật đất đai.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A R về việc việc yêu cầu bà Huỳnh Thị D và ông Võ Hoàng V trả tiền 19.083.333 đồng và tiền lãi 5.101.611. Tổng cộng là: 24.184.944 đồng.

Buộc bà Huỳnh Thị D và ông Võ Hoàng V trả cho bà Nguyễn Thị A R tiền 19.083.333 đồng và tiền lãi 5.101.611. Tổng cộng bà Huỳnh Thị D và ông Võ Hoàng V phải trả cho bà Nguyễn Thị A R bằng số tiền 24.184.944 đồng.

Kể từ ngày bản án sơ thẩm được xét xử cho đến khi thi hành xong khoản nợ này hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Văn Hoàng

Buộc bà Nguyễn Thị A R trả cho ông Huỳnh Văn H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 682656 được Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho hộ ông Huỳnh Văn H vào ngày 12-3-2014 đối với phần đất có diện tích 1.620 m² thửa 3087, tờ bản đồ số 1, loại đất lúa, đất tọa lạc tại xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

3. Về án phí: Buộc Bà Huỳnh Thị D và ông Võ Hoàng V phải chịu 1.209.247 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bà Nguyễn Thị A R phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 3.226.419 đồng đồng án phí dân sự có giá ngạch nhưng được khấu trừ vào phần tạm ứng án phí đã nộp 1.750.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002122, ngày 26-4-2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Do đó bà Nguyễn Thị A R còn phải tiếp tục nộp số tiền 1.776.419 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Huỳnh Văn H không phải chịu án phí, do đó hoàn trả lại cho ông H 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004759, ngày 15-8-2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- THADS TX. Duyên Hải;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Truyền